TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2018/HS-ST;
Ngày: 28/8/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Huy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Huỳnh Thanh Trúc**;

Ông **Nguyễn Văn Long**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Phạm Vân Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2018/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phan Ngọc T: sinh ngày 08/10/1996, tại Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Con ông Phan Ngọc L và bà Nguyễn Thị Q; Tiền án: 01 lần: Năm 2016, Nguyễn Phan Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 12/12/2015 và ngày 16/3/2016 (Bản án số 63/2016/HSST ngày 22/9/2016). Tổng hợp với 09 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 25/2015/HS-ST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, buộc T chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2015, Nguyễn Phan Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 14/3/2014 (Bản án số 25/2015/HS-ST ngày 29/5/2015). Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; bị tạm giữ từ ngày 29/3/2018, tạm giam từ ngày 06/4/2018.(Có mặt).

2. Đặng Minh T: sinh ngày 21/5/1998, tại Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Đặng Tấn T và bà Nguyễn Thị Thu H; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2015, Đặng Minh T bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 34/2015/HSST ngày 22/10/2015). Năm 2016, Đặng Minh T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 12/2016/HSST ngày 11/3/2016). Tổng hợp với 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 34 ngày 22/10/2015 buộc T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm tù; Bị tạm giữ từ ngày 29/3/2018, tạm giam từ ngày 06/4/2018.(Có mặt).

** Người bị hại:*

1. **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1983 (vắng mặt);
   Trú tại: số 372/6 đường T, Phường 4, thành phố M, Tiền Giang.
2. **Đỗ Ngọc H**, sinh năm 1967 (vắng mặt);
   Trú tại: số 6B/5 đường P, Phường 3, thành phố M, Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. **Huỳnh Phạm Hòa B**, sinh năm 1977 (vắng mặt);
   Trú tại: số 372/6 đường T, Phường 4, thành phố M, Tiền Giang.
2. **Đặng Tấn T**, sinh năm 1968 (vắng mặt);
   Trú tại: ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.
3. **Trần Tấn C**, sinh năm 1987 (vắng mặt);
   Trú tại: số 254D1, đường B, phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
4. **Kim C**, sinh năm 1985 (có mặt);
   Trú tại: số192B ấp 5, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Văn N** sinh năm 1989 (chết);
   Trú tại: số 95B, khu phố 2, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
2. **Đỗ Thành N**, sinh năm 1974 (vắng mặt);
   Trú tại: số 6B/5 đường P, Phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 18/3/2018, T điều khiển xe môtô hiệu Sirius biển số 71H8-2304 chở T từ huyện C, tỉnh Bến Tre đến thành phố M tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu phố 3, Phường 4, thành phố M, cả hai nhìn thấy trước

nhà số 372/6, đường T, Phường 4, thành phố M có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius màu đen-đỏ, biển số 63B9-043.14 có khóa cổ xe, nhưng không có người trông coi nên cả hai thống nhất trộm (Xe do ông Huỳnh Phạm Hòa B, sinh năm 1977, ngụ địa chỉ trên đứng tên đăng ký và giao cho bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983 là vợ và ngụ cùng địa chỉ ông B quản lý sử dụng). Để thực hiện ý định, T dừng xe cho T lén lút đi đến dùng thanh đoản mang theo mở khóa lấy trộm xe mô tô biển số 63B9-043.14, còn T điều khiển xe mô tô biển số 71H8-2304 cùng chạy đến tỉnh Bến Tre. Sau đó, T tháo biển số 63B9-043.14 cất giữ và giao xe này cho T sử dụng. Sau đó, T bán xe mô tô trộm được cho một nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ tại điểm game bắn cá gần cầu Ba Lai thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre với giá 1.500.000 đồng tiêu xài hết, không chia cho T. Cơ quan điều tra không thu hồi được xe mô tô trên.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 117 ngày 02/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius màu đen-đỏ biển số 63B9-043.14 trị giá 8.400.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 24/3/2018, T điều khiển xe môtô biển số 71H8-2304 chở T từ huyện C, tỉnh Bến Tre đến thành phố M tìm tài sản trộm cắp. Khi đến quán cà phê "Bằng Lăng" địa chỉ số 56, đường L, Phường 6, thành phố M; T nhìn thấy xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ-đen-trắng biển số 63B9-382.60 của ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1967, ngụ số 6B/5, đường P, Phường 3, thành phố M để trong quán, không người trông coi nên T dừng xe bên ngoài cảnh giới, T lén lút đi vào dùng cây đoản mang theo bẻ khóa, mở cốp xe lấy trộm 01 chiếc bóp màu đỏ đem ra ngoài đưa cho T kiểm tra bên trong có 200.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B9-382.60. Lúc này, T kêu T đi vào trộm xe dẫn ra ngoài; T dùng thanh đoản mở khóa xe mô tô biển số 63B9-382.60, còn T điều khiển xe mô tô biển số 71H8-2304 cùng chạy đến tỉnh Bến Tre. Sau đó, T tháo biển số xe mô tô vừa trộm được và lấy biển số 63B9-043.14 có được từ vụ trộm ngày 18/3/2018 tại Phường 4, thành phố M gắn vào để sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T và T cầm xe mô tô trộm được của ông H cho anh Trần Tấn C, sinh năm 1987, ngụ số 254D1, đường B, Phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre giá 5.000.000 đồng. T, T chia mỗi người 2.500.000 đồng tiêu xài hết; số tiền 200.000 đồng lấy trộm của ông H thì T tiêu xài riêng, không chia cho T.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Ariblade màu đỏ-đen-trắng số máy: JF46E-4289056; số khung: JF460XDY615065 (Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại Đỗ Ngọc H).

- 01 biển số xe mô tô 63B9-043.14 (Đây là biển số của xe mô tô bị chiếm đoạt ngày 18/3/2018); 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius màu xám-đen biển số 71H8-2304 (Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố M chờ xử lý).

- Đối với thanh đoản dùng để mở khóa trộm xe, T khai đã ném bỏ xuống sông Tiền; biển số xe mô tô 63B9-382.60, T ném bỏ xuống sông Ba Lai thuộc Khu phố 3, thị trấn C, huyện huyện C, tỉnh Bến Tre; cái bóp màu đỏ và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B9-382.60 của bị hại H thì T ném bỏ xuống sông thuộc Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 191 ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda-Ariblade màu đỏ-đen-trắng biển số 63B9-382.60 trị giá 22.500.000 đồng. Bị hại ông H không yêu cầu định giá cái bóp bị mất trộm.

Tại bản cáo trạng số 76/QĐ-VKS ngày 25/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M đã truy tố bị cáo Nguyễn Phan Ngọc T và Đặng Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo T từ 02 đến 03 năm tù, xử phạt bị cáo T từ 02 đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại giá trị xe môtô. Về xử lý vật chứng đề nghị trả lại cho ông T 01 xe môtô biển số 71H8 - 2304 và tịch thu 01 biển số xe tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Trong các ngày 18/3/2018 và 24/3/2018 trên địa bàn phường 4 và phường 6 Thành phố M, các bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 xe môtô biển số 63B9-043.14 và 63B9-382.60 của bị hại có tổng giá trị qua định giá là 31.100.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù giữa hai bị cáo có sự phân công, bàn bạc, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên hành vi của các bị cáo chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp có tổ chức.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, tỏ ý thức xem thường pháp luật, các bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên". Riêng bị cáo T còn có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "tái phạm", do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo T.

[4] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, gia đình hai bị cáo thuộc diện có công với nhà nước nên Tòa án có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Phạm Hòa B vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại cơ quan điều tra ông bà có yêu cầu các bị cáo bồi thường 8.400.000 đồng tương đương giá trị xe mô tô bị mất trộm. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường nên Tòa ghi nhận

- Ông Đỗ Ngọc H đã nhận lại xe bị mất, riêng các tài sản khác ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Tòa không xem xét; anh Trần Tấn C không yêu cầu các bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng mà anh đã bỏ ra khi nhận cầm xe từ các bị cáo nên Tòa án không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 71H8-2304 do ông Đặng Tấn T là cha của bị cáo T mua lại của chị Kim C nhưng chưa sang tên, ông T cho bị cáo mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Ông T không biết bị cáo T sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho ông T. Đối với biển số xe 63B9 - 043.14 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên xét thấy bị cáo T có nhiều tình tiết tăng nặng hơn so với bị cáo T nên Tòa án có cân nhắc khi quyết định hình phạt. Riêng những phần khác là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phan Ngọc T** và **Đặng Minh T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phan Ngọc T 02 (hai) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Phan Ngọc T và Đặng Minh T đồng ý liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Phạm Hòa B 8.400.000 đồng. Thực hiện một lần.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Phạm Hòa B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho ông Đặng Tấn T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 03067 mang tên Kim C, biển số đăng ký 71H8 - 2304 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xám - đen có gắn biển số 71H8-2304, số máy 5C63 - 331092, số khung 30AY331042.

Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô ô 63B9-043.14.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2018 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Hoàng Huy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.M;
- Chi cục THADS TP.M;
- Bị cáo; bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu.